

Bản án số: **25/2018/HNGĐ-ST**

Ngày 28/9/2018

V/v: “ Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.
Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Dự và ông Vũ Đức Bính.
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thu Hà, thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.
- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:** ông Ninh Trọng Khánh kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 108/2018/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2018 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Phạm Văn B, sinh năm 1976; ĐKKH & trú tại: xóm 6, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Có mặt.

- **Bị đơn:** Chị Lê Thị H, sinh năm 1980; ĐKKH tại: xóm 6, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Bị tuyên bố là người mất tích ngày 09/03/2018.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Phạm Văn B và chị Lê Thị H kết hôn với nhau từ năm 2003 quá trình chung sống vợ chồng không có con chung. Từ năm 2007 chị H bỏ nhà đi không có tin tức gì cho anh B và gia đình biết; Anh B và gia đình nội ngoại đã dùng mọi biện pháp để tìm kiếm tin tức chị H nhưng vẫn không biết chị H đang ở đâu. Tháng 10/2017 anh B đã có đơn yêu cầu tuyên bố mất tích đối với chị Lê Thị H; Tại quyết định số 01/2018/QĐDS-ST ngày 09/03/2018 Tòa án huyện K đã tuyên bố chị Lê Thị H mất tích. Nay anh B xác định chị H bỏ đi không có tin tức gì tình cảm vợ chồng không còn nên anh B yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị H để ổn định cuộc sống. Về con chung và tài sản chung : Vợ chồng anh không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K:

Về tố tụng: Nguyên đơn và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 5, 56 Luật HNGĐ; Điều 68 BLDS; Điều 147, 227 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14; Xử lý hôn giữa anh Phạm Văn B với chị Lê Thị H. Về án phí : Anh Phạm Văn B phải nộp 300.000^d án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Phạm Văn B khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn với chị Lê Thị H, sinh năm 1980; có nơi cư trú cuối cùng: tại ĐKKH tại: xóm 6, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; được TAND huyện K, tỉnh Ninh Bình tuyên bố là người mất tích ngày 09/03/2018; căn cứ quy định tại điều 26 và 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K. Bị đơn chị Lê Thị H là người mất tích; căn cứ khoản 2, Điều 227, 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Anh Phạm Văn B và chị Lê Thị H kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 2003 tại UBND xã K sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau một thời gian thì chị H bỏ nhà đi không có tin tức gì từ năm 2007, sau thời gian tìm kiếm không có kết quả anh B đã yêu cầu tuyên bố chị H mất tích; tại Quyết định số 01/2018/QĐDS-ST ngày 09/03/2018 Tòa án huyện K đã tuyên bố chị Lê Thị H mất tích.

Sau khi thụ lý vụ án TAND huyện K đã tiến hành xác minh lại địa chỉ của chị H nhưng không có kết quả không biết chị H hiện đang cư trú tại đâu, xác định chị H hiện nay vẫn mất tích; căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình và Điều 68 BLDS, yêu cầu của anh B giải quyết ly hôn chị H là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về tài sản chung và con chung : Khi ly hôn anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ quy định tại điều 147 BLTTDSS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 buộc anh B phải nộp toàn bộ án phí ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56 Luật HNGĐ; Điều 68 BLDS; Điều 147, 227, 228 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14.

1/ Xử lý hôn giữa anh Phạm Văn B và và chị Lê Thị H.

2/ Anh Phạm Văn B phải nộp 300.000^d án phí ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000^d tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA 2889 ngày 10/ 08/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thế Anh